

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 46/2021/DS-ST

Ngày: 10/9/2021.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

Ông Nguyễn Văn Thúc.

Thư ký phiên tòa: Ông Thiệu Sỹ Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà - kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2021/TLST-DS ngày 20/5/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2021/QĐXX-ST ngày 09/8/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân Hàng TMCP N.

Địa chỉ: Số T, phường L, Quận H, TP Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Công Tr – Chức vụ: Giám đốc Ngân Hàng TMCP N- Chi nhánh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Số 06 Tr, TP B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Võ T, chức vụ Phó Trưởng phòng giao dịch B.

Địa chỉ: Số 149 Tr, thị xã B, Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Ông Đặng Quang S, bà Phạm Thị Hồng A.

Địa chỉ: Hẻm L, TDP 0, phường A, thị xã B, Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/03/2021 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Võ Tấn trình bày:

Vào ngày 09/10/2019 vợ chồng ông Đặng Quang S, bà Phạm Thị Hồng A ký hợp đồng vay vốn với Ngân Hàng TMCP N, chi nhánh Đắk Lắk, phòng giao dịch B, theo Hợp đồng tín dụng số 19/489/BV/HĐTD để vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi suất 12%/năm, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng.

Để đảm bảo cho toàn bộ các khoản vay tại Ngân Hàng TMCP N, ông S, bà A đã thế chấp cho Ngân Hàng TMCP N quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số 18/531/BV/HĐTC ngày 12/10/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 18/133/BV/HĐTS ngày 12/10/2018. Tài sản thế chấp gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 218, tờ bản đồ số 38, diện tích 121m². Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 595054 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 22/8/2018.

Sau khi vay ông S, bà A không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như cam kết, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng.

Hiện nay, ông S, bà A còn nợ Ngân Hàng TMCP N (Tính đến ngày 24/3/2021) là 108.846.261đ (Một trăm lẻ tám triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm sáu một đồng); Trong đó: Nợ gốc là 99.867.011đ, nợ lãi trong hạn 8.437.126đ, lãi quá hạn 542.124đ. Nay Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông S, bà A phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ trên và tiếp tục tính lãi suất từ ngày 25/3/2021 cho đến khi ông S, bà A thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp ông S, bà A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp của ông S, bà A để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- Bị đơn ông Đặng Quang S, bà Phạm Thị Hồng A đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành kiểm tra giao nộp chứng cứ, hoà giải với ông S, bà A được.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 BLTTDS, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vi phạm các Điều 70, 72 BLTTDS. Về nội dung đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đặng Quang S, bà Phạm Thị Hồng A có nghĩa vụ trả cho Ngân Hàng TMCP N tính đến ngày 24/3/2021) là 108.846.261đ (Một trăm lẻ tám triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm sáu một đồng); Trong đó: Nợ gốc là 99.867.011đ, nợ lãi trong hạn 8.437.126đ, lãi quá hạn 542.124đ. Tiếp tục tính lãi suất kể từ ngày 25/3/2021 trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Đặng Quang S, bà Phạm Thị Hồng A trả xong nợ gốc cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Đặng Quang S, bà Phạm Thị Hồng A không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp của ông Đặng Quang S, bà Phạm Thị Hồng A theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 18/531/BV/HĐTC ngày 12/10/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 18/133/BV/HĐTS ngày 12/10/2018 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Đặng Quang S, bà Phạm Thị Hồng A thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân Hàng TMCP N phải trả lại cho ông Đặng Quang S, bà Phạm Thị Hồng A các tài sản đã thế chấp ghi cụ thể trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 18/531/BV/HĐTC ngày 12/10/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 18/133/BV/HĐTS ngày 12/10/2018.

Tại phiên toà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đặng Quang S, bà Phạm Thị Hồng A mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn Ngân Hàng TMCP N HĐXX xét thấy: Vào ngày 09/10/2019 vợ chồng ông Đặng Quang S, bà Phạm Thị Hồng A ký hợp đồng vay vốn với Ngân Hàng TMCP N, chi nhánh Đắk Lắk, phòng giao dịch Buôn Hồ, theo Hợp đồng tín dụng số 19/489/BV/HĐTD để vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi suất 12%/năm, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng.

Để đảm bảo cho toàn bộ các khoản vay tại Ngân Hàng TMCP N, ông S, bà A đã thế chấp cho Ngân Hàng TMCP N quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số 18/531/BV/HĐTC ngày 12/10/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 18/133/BV/HĐTS ngày 12/10/2018. Tài sản thế chấp gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 218, tờ bản đồ số 38, diện tích 121m². Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 595054 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 22/8/2018.

Ông Đặng Quang S, bà Phạm Thị Hồng A đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, vi phạm thời hạn thanh toán nợ đã ký với Ngân hàng. Nay Ngân Hàng TMCP N yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Đặng Quang S, bà Phạm Thị Hồng A có nghĩa vụ trả cho Ngân Hàng TMCP N tổng số tiền tính đến ngày 24/3/2021 là 108.846.261đ (Một trăm lẻ tám triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi một đồng); Trong đó: Nợ gốc là 99.867.011đ, nợ lãi trong hạn 8.437.126đ, lãi quá hạn 542.124đ. Tiếp tục tính lãi suất kể từ ngày 25/3/2021 trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Đặng Quang S, bà Phạm Thị Hồng A trả xong nợ gốc cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Đặng Quang S, bà Phạm Thị Hồng A không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản của ông Đặng Quang S, bà Phạm Thị Hồng A đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và phù hợp với các Điều 463; 466; 468 BLDS năm 2015; các Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Đặng Quang S, bà Phạm Thị Hồng A phải chịu án phí DSST.

- Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 463; 466; 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân Hàng TMCP N.

Buộc ông Đặng Quang S, bà Phạm Thị Hồng A có nghĩa vụ trả cho Ngân Hàng TMCP N tổng số tiền tính đến ngày 24/3/2021 là 108.846.261đ (Một trăm lẻ tám triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi đồng); Trong đó: Nợ gốc là 99.867.011đ, nợ lãi trong hạn 8.437.126đ, lãi quá hạn 542.124đ. Tiếp tục tính lãi suất kể từ ngày 25/3/2021 trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Đặng Quang S, bà Phạm Thị Hồng A trả xong nợ gốc cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Đặng Quang S, bà Phạm Thị Hồng A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của ông Đặng Quang S, bà Phạm Thị Hồng A được ghi cụ thể trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 18/531/BV/HĐTC ngày 12/10/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 18/133/BV/HĐTS ngày 12/10/2018 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Đặng Quang S, bà Phạm Thị Hồng A thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân Hàng TMCP N phải trả lại các tài sản đã thế chấp ghi cụ thể trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 18/531/BV/HĐTC ngày 12/10/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 18/133/BV/HĐTS ngày 12/10/2018 cho ông Đặng Quang S, bà Phạm Thị Hồng A.

2. Về án phí: Ông Đặng Quang S, bà Phạm Thị Hồng A phải chịu 5.442.000đ án phí DSST.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân Hàng TMCP N 2.721.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0007138, ngày 20/5/2021, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS tỉnh, thị xã;
- THA dân sự thị xã;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Hương

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS tỉnh, thị xã;
- THA dân sự thị xã;
- Dương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ, VP.

Đinh Thị Hương

